

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số A, Phạm Văn Đ, Tổ A, ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Võ Văn A, sinh năm 1993.

HKTT: Tiểu khu A, xã Đ, tỉnh Quảng Trị (thị trấn Đ, T, Quảng Bình cũ).

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Viết H1, số A khu phố M, xã N, tỉnh Đồng Nai (thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai cũ).

(Chị H vắng mặt, anh A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2025, các bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H trình bày:*

Chị và anh Võ Văn A chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, nay là xã C, tỉnh Đồng Nai từ năm 2017.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn trong đời sống gia đình, chồng chị thường xuyên đánh đập hành hạ chị, công việc chị đi làm nhân viên nhà hàng thường xuyên tiếp xúc với khách hàng, có lúc tăng ca đi sớm về trễ nhưng anh A không thông cảm mà còn đánh đập, mỗi lần đánh như vậy chị lại phải nghỉ làm và gia đình lại túng thiếu. Bản thân anh A không làm ra tiền để đủ lo cho gia đình con cái nên chị phải đi làm thêm, hơn 07 năm qua chị cố gắng chịu đựng, chị không muốn sống khổ cùng anh A nữa nên xin được ly hôn anh A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Văn Đ1, sinh ngày 03/4/2018.

Chị có yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Thời gian qua con sống chung với ba mẹ chị chứ không phải do 2 vợ chồng trực tiếp nuôi dưỡng, nếu anh An muốn nuôi con và anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng thì chị đồng ý.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Do chị công việc bận nên đề nghị tòa án giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt chị.

** Tại các bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Văn A trình bày:*

Anh và chị H là vợ chồng chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai từ năm 2017. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiểu lầm không đáng có. Mâu thuẫn bắt đầu từ khoảng năm 2023 đến nay do tính chất công việc của vợ anh thường xuyên đi làm về muộn, anh thì làm nghề tài xế (xe ôm công nghệ) thường xuyên phải dậy sớm chạy xe nhưng tối muộn anh không thể nào ngủ được khi vợ anh đi làm về muộn. Vợ anh đi làm muộn vậy anh lo lờ có chuyện gì thì trở tay không kịp (rủi ro tệ nạn xã hội) nên có những lời lẽ nặng lời khiến vợ anh phật lòng và đến kết quả ly hôn. Tuy nhiên, bản thân anh không muốn ly hôn, mong muốn hàn gắn đoàn tụ, đã tìm đủ mọi cách liên lạc nói chuyện nhưng không liên lạc được kể cả về nhà ba mẹ vợ cũng không ai liên lạc được.

Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý, anh nghĩ vợ chồng vẫn có thể chung sống với nhau, mong Tòa án sắp xếp để vợ chồng gặp mặt cùng hòa giải.

Tòa án có đưa anh xem 02 tấm hình chị H gửi bản phô tô, đó là hình ảnh lúc anh nóng giận không kiềm được vì cách đây khoảng tháng 4/2025 anh có lên quán nơi chị H làm việc khoảng lúc 23 giờ 40 phút đi vào nhà hàng đã đóng cửa không nhận khách nhưng vẫn có vợ anh và 1 số khách ở trong phòng tắt điện, khi anh chất vấn thì không ai giải thích và bỏ đi về và cả vợ anh cũng kêu anh về nhưng không nói lý do gì làm khuya tắt điện. Do trong hoàn cảnh đó anh nóng giận nên có tát chị H một, hai cái, sau đó, công an có đến nói chuyện các bên ra về. Công an thị trấn L cũ có đến nhưng chỉ hòa giải rồi đi về chứ không lập biên bản hay xử lý gì. Anh biết lỗi của anh

đã đánh vợ là sai bản thân vì quá ghen tuông nên hay nghi ngờ, không kìm chế được bản thân nên vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống. Anh không kiểm ra tiền ổn định như chị H trình bày là đúng nhưng môi trường làm việc của vợ không tốt, anh sai lầm khi cho chị làm tiếp viên ở quán để kéo theo một vết trượt dài bây giờ không quay lại được.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Văn Đ1, sinh ngày 03/4/2018.

Nếu không thể hòa giải và ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng.

Thu nhập bình quân của anh 6.000.000 đồng/tháng, thu nhập này anh không xuất trình giấy tờ được do không có phiếu lương và chạy xe hàng ngày. Hiện nay anh vừa làm bán vé xe buýt khoảng 15 ngày nay, lương tháng 10.000.000 đồng nên thu nhập tốt hơn trước, anh có đủ điều kiện nuôi con.

Nếu vợ anh muốn nuôi con anh không đồng ý, lý do anh nuôi con sẽ tốt hơn vợ anh do môi trường làm việc và tính chất công việc thời gian qua của vợ anh thường xuyên uống rượu say xỉn, về muộn.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Anh đề nghị hoãn phiên tòa để anh có thêm thời gian tìm kiếm chị H.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ly hôn ngày 29/7/2025; Căn cước công dân chị H, anh A; Căn cước công dân ông A; Hợp đồng ủy quyền ngày 29/7/2025; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh; Bản tự khai ngày 20/8/2025, bản tự khai ngày 28/8/2025, đơn đề nghị xin vắng mặt buổi hòa giải, công khai chứng cứ ngày 28/8/2025, đơn đề nghị về việc xin vắng mặt buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 03/9/2025 của chị H; 04 bản hình ảnh; bản tự khai ngày 10/9/2025; Căn cước công dân anh A; 02 bản tự khai ngày 22/8/2025, bản tự khai ngày 07/9/2025, đơn đề nghị về việc hoãn phiên họp hòa giải ngày 30/8/2025 của anh A; Xác minh tại Công an xã N; Văn bản cung cấp thông tin ngày 03/9/2025; T khai cháu Đ1.

Về tình tiết các bên thống nhất: Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Văn Đ1, sinh ngày 03/4/2018. Trường hợp ly hôn chị H đồng ý giao con cho anh A nuôi dưỡng và chị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tình tiết các bên không thống nhất: Chị H yêu cầu ly hôn, anh A không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử

vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh A là quan hệ hôn nhân hợp pháp, chị H trình bày trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh A cũng thừa nhận có mâu thuẫn, anh có lời lẽ không hay và có lỡ tay đánh chị H do nóng nảy và đã sống ly thân.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã mời các bên lên làm việc hòa giải nhưng chị H đều xin vắng mặt và không có hướng bàn bạc xây dựng gia đình. Như vậy xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn cả hai đều không có hướng bàn bạc đoàn tụ cùng xây dựng gia đình, anh A muốn bàn bạc đoàn tụ nhưng chị H không đến tòa làm việc, cả hai cũng không gặp mặt nhau, mục đích hôn nhân đều không đạt được, không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H ly hôn anh A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Văn Đ1, sinh ngày 03/4/2018. Anh A có yêu cầu nuôi con, chị H đồng ý giao con cho anh A nuôi dưỡng, cháu Đ1 có nguyện vọng ở với cha nên giao cháu Đ1 cho anh A nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với chị H, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H.

Tại phiên tòa anh A đề nghị hoãn phiên tòa để cho anh có thêm thời gian tìm kiếm chị H, anh trình bày trong thời gian qua anh cũng đã tìm kiếm chị H rất nhiều nơi nhưng không có kết quả, do đó, đối với đề nghị hoãn phiên tòa không phù hợp các quy định về hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên không chấp nhận nội dung này.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh A tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai từ năm 2017 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống theo chị H trình bày thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh A không chăm lo gia đình, một mình chị

đi làm, anh A lại dùng lời nói xúc phạm chửi chị và vũ lực bạo hành chị. Theo anh A sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiểu lầm không đáng có. Mâu thuẫn bắt đầu từ khoảng năm 2023 đến nay do tính chất công việc của vợ anh thường xuyên đi làm về muộn, anh thì làm nghề tài xế (xe ôm công nghệ) thường xuyên phải dậy sớm chạy xe nhưng tối muộn anh không thể nào ngủ được khi vợ anh đi làm về muộn. Khoảng tháng 4/2025 thì vợ chồng lại có mâu thuẫn do anh đến nơi chị H làm việc vào lúc khuya nhưng chị không giải thích được cho anh lý do vì sao tiếp khách trong đêm tối không bật điện nên anh có nóng giận tát chị một, hai cái. Công an có đến nhưng chỉ hòa giải rồi đi về chứ không lập biên bản hay xử lý gì. Anh A xác định mình có lỗi và hối hận.

Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị H, anh A có mâu thuẫn nhưng không giải quyết với nhau hết các mâu thuẫn, thời gian kéo dài làm phát sinh thêm nghi ngờ, thiếu sự tin tưởng và vun vén tình cảm từ hai phía. Sự không triệt để khi giải quyết mâu thuẫn này làm cho đời sống vợ chồng thêm mâu thuẫn trầm trọng, anh A khi nóng giận không kiềm chế được bản thân có lời lẽ nặng nề và hành động đánh chị H làm cho tình trạng mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A mong muốn hòa giải, Tòa án đã nhiều lần mời chị H, anh A để anh chị gặp nhau nói chuyện và hòa giải các mâu thuẫn, mục đích cho anh chị hàn gắn, xây dựng gia đình cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, các lần Tòa án mời chị H đều không đến và có đơn xin vắng mặt thể hiện chị H không mong muốn đoàn tụ, do đó, không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Thời gian qua vợ chồng chị H, anh A sống ly thân, anh A cũng không liên lạc được với chị H để đưa ra phương hướng đoàn tụ gia đình. Như vậy, chị H, anh A không có sự bàn bạc đoàn tụ để cùng chung sống xây dựng gia đình, chăm sóc con cái và chăm sóc lẫn nhau, tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Văn Đ1, sinh ngày 03/4/2018.

Theo đơn khởi kiện, chị H có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Anh A có yêu cầu nuôi con, chị H đồng ý giao con cho anh A nuôi dưỡng, cháu Đ1 có nguyện vọng ở với cha nên giao cháu Đ1 cho anh A nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh A yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, chị H đồng ý. Do đó, giao cháu Đ1 cho anh A nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung : Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh A khai không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với anh Võ Văn A, xử cho chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn anh Võ Văn A.

- Về con chung: Xử giao cháu Võ Văn Đ1, sinh ngày 03/4/2018 cho anh Võ Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Diễm H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng một tháng).

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày anh A có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0023621 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Diễm H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Anh Võ Văn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Cẩm Mỹ
(xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ cũ)
GCNKH số 12 ngày 02/10/2017 (1);
- Dương sự (2);
- Lưu (3).

Nguyễn Ngọc An